

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch;

Bà Đào Thị Giang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Kim N, sinh năm 1994;

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Kim N trình bày:*

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu; bà và ông S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 158/2016 ngày 23/9/2016 (theo

bản sao trích lục kết hôn số 39/TLKH-BS ngày 17/3/2021). Sau khi kết hôn, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, lối sống dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Ông S thường xuyên nhậu nhẹt, đi chơi không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nhiều lần góp ý, khuyên giải và cho nhiều cơ hội nhưng ông S không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

+ Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung là Trần Ngọc Y, sinh ngày 01/8/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu giao cháu Y cho ông S được trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 22/4/2021, bị đơn ông Trần Ngọc S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và con chung, nợ chung, tài sản chung như bà N trình bày là đúng. Do ông và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau nên hiện ông, bà không còn chung sống với nhau và cũng không còn liên lạc gì với nhau nữa. Do đó, ông cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà N được ly hôn. Do bận công việc nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

+ Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung là Trần Ngọc Y, sinh ngày 01/8/2017. Hiện nay cháu Y đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn, ông yêu cầu tiếp tục giao cháu Y cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Phản phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:*

+ *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn

xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

+ *Về đường lối giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao con chung cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; về nợ chung: Đương sự trình bày không có. Về án phí: Buộc bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Nguyên đơn bà Châu Kim N khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Trần Ngọc S có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Nguyên đơn bà Châu Kim N và bị đơn ông Trần Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông S.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 158/2016 ngày 23/9/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông S là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, bà N trình bày trong thời gian chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, lối sống dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Ông S thường xuyên nhậu nhẹt, đi chơi không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nhiều lần góp ý, khuyên giải và cho nhiều cơ hội nhưng ông S không thay đổi. Bị đơn ông S thừa nhận trình bày của bà N là đúng, hiện ông, bà không còn chung sống với nhau và cũng không còn liên lạc gì với nhau nữa; Ông S cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà N, ông S hiện không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, không cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc và chăm sóc con chung.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được; Do vậy,

cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N, ông S được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Bà N, ông S có 01 con chung là Trần Ngọc Y, sinh ngày 01/8/2017. Hiện nay cháu Y đang do ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà N đề nghị sau ly hôn giao cháu Y cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng và ông S cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Y nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Trần Ngọc Y, sinh ngày 01/8/2017 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời bà N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông S không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Kim N về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Châu Kim N được ly hôn với ông Trần Ngọc S.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Trần Ngọc Y, sinh ngày 01/8/2017 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, bà N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Bà Châu Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006063 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom được tính trừ vào tiền án phí bà N phải nộp. Bà N đã nộp đủ án phí.

4. *Thi hành bản án của Tòa án:* Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Trảng Bom;
- Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trinh

